

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án về hôn nhân và gia đình thụ lý số 261/2021/TLST-HNGĐ ngày 11/5/2021 về việc “Tranh chấp ly hôn”, giữa:

*Nguyên đơn:* Bà Trần Thị TQ, sinh năm 1982

Địa chỉ: Ấp MT, Xã MP, Huyện TP, Tỉnh Tiền Giang

*Bị đơn:* Ông Nguyễn NS, sinh năm 1977

Địa chỉ: NK HTP, Khu phố 1, Phường BT, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 54, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 11 năm 2021.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 11 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Bà Trần Thị TQ và ông Nguyễn NS.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị TQ và ông Nguyễn NS thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 05 do Ủy ban nhân dân phường BT, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/02/2017 không còn giá trị pháp lý).

Về con chung: Bà Trần Thị TQ và ông Nguyễn NS có 02 người con chung họ tên là Nguyễn QH (nam), sinh ngày 08/6/2011 và Nguyễn NN (nam), sinh ngày 27/11/2015.

Các đương sự thống nhất thỏa thuận: Bà Trần Thị TQ đồng ý để ông Nguyễn NS trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) người con chung là Nguyễn QH (nam), sinh ngày 08/6/2011 và Nguyễn NN (nam), sinh ngày 27/11/2015. Bà Trần Thị TQ cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/trẻ/tháng, tổng cộng là 2.000.000 đồng mỗi tháng cho hai trẻ. Hai bên tự giao nhận tiền cấp dưỡng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Trần Thị TQ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp bà TQ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông NS có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà Quyên.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Cả hai đương sự xác nhận không có.

Về nợ chung: Cả hai đương sự xác nhận không có.

Án phí dân sự sơ thẩm giải quyết vụ án: Bà Trần Thị TQ tự nguyện chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và tiền án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2019/0042595 ngày 11/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Thị TQ đã nộp đủ án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Nơi nhận:*

- TAND TPHCM;
- VKSND Q.7, TPHCM;
- C/c THA DS Q.7, TPHCM;
- C/q thực hiện đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ (TK.Thúy).

**THẨM PHÁN**

**Trương Như Thủy**